UBND TỈNH HÀ NAM **SỞ Y TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 270 /QĐ-SYT	*Hà Nam, ngày 20 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán kinh phí mua hệ thống chụp cắt lớp vi tính CT Scanner 64-128 lát cắt/vòng quay cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 259/QĐ-SYT ngày 19 tháng 8 năm 2020 của Sở Y tế tỉnh Hà Nam về việc giao dự toán kinh phí mua hệ thống chụp cắt lớp vi tính CT Scanner 64-128 lát cắt/vòng quay cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh.

Xét đề nghị của Chánh văn phòng Sở Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán kinh phí mua hệ thống chụp cắt lớp vi tính CT Scanner 64-128 lát cắt/vòng quay cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh năm 2020 của Văn phòng Sở Y tế (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng, các phòng liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận: - Ban Giám đốc Sở (để báo cáo); - Các phòng chức năng SYT; - Lưu: VT, VP.	**KT. GIÁM ĐỐC** **PHÓ GIÁM ĐỐC** CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM SỞ Y TẾ TỈNH HÀ NAM **Trần Viết Huệ**

Biểu số 2: Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

Đơn vị: **Văn phòng Sở Y tế**

Chương : **423**

DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số: 270 /QĐ-SYT ngày 20 /8/2020)

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	
1	***Số thu phí, lệ phí***	***0***
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	0
	Phí cấp phép hoạt động hành nghề y, dược	
2	***Chi từ nguồn thu phí được để lại***	***0***
2.1	Chi sự nghiệp ……..	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	0
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	***Số phí, lệ phí nộp NSNN***	***0***
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	0
	Phí cấp phép hoạt động hành nghề y, dược	
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**15.000.000.000**
1	***Chi quản lý hành chính***	***0***
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	***Nghiên cứu khoa học***	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	***Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề***	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	***Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình***	***15.000.000.000***
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	15.000.000.000

STT	Nội dung	Dự toán được giao
5	***Chi bảo đảm xã hội***	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	***Chi hoạt động kinh tế***	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	***Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường***	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	***Chi sự nghiệp văn hóa thông tin***	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	***Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn***	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	***Chi sự nghiệp thể dục thể thao***	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	***Chi Chương trình mục tiêu***	***0***
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)	
2	Chi Chương trình mục tiêu	0
	DA4: An toàn thực phẩm	
	DA8: Truyền thông y tế - Dân số	
	DA8: Truyền thông ATTP	